

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung, cấp dưỡng khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Huỳnh Ngọc N**, sinh năm 2002; địa chỉ: **Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi**.

2. Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 2001; địa chỉ: **Thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai**.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Huỳnh Ngọc N** và chị **Phạm Thị T** có quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 27/01/2023 của UBND xã **N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi**. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của Anh Chị, Tòa án đã tiến hành hòa giải để **Anh C** đoàn tụ nhưng không thành. Việc thuận tình ly hôn của **Anh C** là thực sự tự nguyện.

[2] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng: Anh **Huỳnh Ngọc N** và chị **Phạm Thị T** có một con chung là 01 con chung là **Huỳnh Ngọc Nhất D**, sinh ngày 13/7/2023. Anh Chị đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng và sự thỏa thuận của **Anh C** bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con.

[3] Về tài sản và nợ chung: Anh **Huỳnh Ngọc N** và chị **Phạm Thị T** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh **Huỳnh Ngọc N** và chị **Phạm Thị T** đã thỏa thuận được với nhau về người có nghĩa vụ chịu lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Huỳnh Ngọc N** và chị **Phạm Thị T** thuận tình ly hôn.

- Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng: Giao con chung của anh **Huỳnh Ngọc N** và chị **Phạm Thị T** là cháu **Huỳnh Ngọc Nhất D**, sinh ngày 13/7/2023 cho chị **Phạm Thị T** có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn.

Anh **Huỳnh Ngọc N** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), cấp dưỡng định kỳ vào ngày 16 hàng tháng.

Thời điểm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị **Phạm Thị T** và thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung của anh **Huỳnh Ngọc N** bắt đầu từ ngày 16/7/2024 cho đến khi con chung thành niên, hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Anh **Huỳnh Ngọc N** và chị **Phạm Thị T** không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

- Về các vấn đề khác: Không.

Quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Tòa án là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh **Huỳnh Ngọc N** và chị **Phạm Thị T** thỏa thuận mỗi người chịu một nửa lệ phí Tòa án là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền

tạm ứng lệ phí Tòa án Anh Chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006062 ngày 11/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Anh **Huỳnh Ngọc N** và chị **Phạm Thị T** đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Chư Pưh;
- CCTHADS huyện Chư Pưh;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Võ Tiến Sỹ**